

Bản án số: 23 /2017/HSST
Ngày 25 - 4 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Hào; Bà Đinh Thị Hương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thu - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Đào Đức Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2017/TLST - HS ngày 23/3/2017 đối với bị cáo:

Lương Văn T, sinh năm: 1988.

HKTT và chỗ ở: thôn L, xã H A, huyện K, tỉnh H Y.

Trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Lương Văn B - SN 1954 và bà Đỗ Thị L (đã chết).

Tiền sự: Không; tiền án: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào xử phạt 18 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ ngày 20/01/2017, tạm giam từ ngày 26/01/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, “có mặt”.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 20/01/2017, tại khu vực đường Nguyễn Văn Linh thuộc thôn Triều Tiên, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Phòng cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Hưng Yên bắt quả tang Lương Văn T, đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Kiểm tra trên người T, phát hiện thu giữ tại túi quần phía sau bên trái 01 bao diêm, bên trong có 02 gói nilon màu đen chứa chất bột trắng dạng cục và bột (niêm phong trong phong bì ký hiệu MI1); ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại Nokia màu đen có số IMEI 355127072460407 cũ, bên trong có 01 sim Viettel; 01 ví giả da đã cũ, bên trong có 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Văn T.

Ngày 20/01/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn T, kết quả không phát hiện, thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Kết luận giám định số 61 ngày 23/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã xác định: mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi MI1 thu của Lương Văn T là hêrôin, có trọng lượng 7,118 gam.

Quá trình điều tra, Lương Văn T đã khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2017, T một mình bắt xe ôm xuống thành phố Hưng Yên mục đích mua hêrôin về sử dụng. Đến khu vực thuộc thôn Triều Tiên, xã Bảo Khê, TP Hưng Yên, T bảo người lái xe ôm dừng xe đứng đợi, còn T vào uống nước tại một quán ven đường Nguyễn Văn Linh, gặp một nam thanh niên qua nói chuyện được biết người thanh niên này cùng cảnh nghiện và có ma túy bán. Nên T đã hỏi mua ma túy và đưa cho người thanh niên 300.000 đồng thì người này đưa cho T 01 bao diêm bên trong có 02 gói nilon màu đen có chứa hêrôin. Sau đó, T lên xe ôm đi về nhà thì bị bắt quả tang.

Về đối tượng bán hêrôin cho T, T chỉ biết người thanh niên đó khoảng 40 tuổi, ngoài ra không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không đủ thông tin xác minh xử lý.

Bản cáo trạng số 18/QĐ-VKS-P1 ngày 21/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lương Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của bản thân và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13, ngày 29/06/2016 và theo nguyên tắc có lợi thì áp dụng khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử. Tuyên phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ; 01 ví giả da màu đen đã cũ, 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Văn T. Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị

cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó là: Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng vật chứng thu giữ tại túi quần phía sau bên trái T đang mặc 01 bao diêm, bên trong có 02 gói nilon màu đen chứa chất bột trắng dạng cục và bột (niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1) (BL 17 - 18); Bản kết luận giám định số 61/PC54 ngày 23/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên (BL 30); lời khai của các người làm chứng là anh An Xuân T và anh Nguyễn Văn B (BL 49 - 52) và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/01/2017, tại đoạn đường Nguyễn Văn Linh thuộc thôn Triều Tiên, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, Lương Văn T đang tàng trữ trái phép 7,118 gam hêrôin trong túi quần để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của Lương Văn T đang cất giữ 7,118 gam hêrôin trong người để sử dụng trái phép nên đã có đủ dấu hiệu cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự. Bị cáo T tàng trữ 7,118 gam hêrôin nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; *“Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam tới dưới ba mươi gam”*. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lương Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm qui định của Nhà nước về quản lý chất ma túy và các chất gây nghiện. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, mặc dù đã được chính quyền địa phương và gia đình tạo điều kiện để tự cai nghiện bằng phương pháp uống Methadone tại Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh nhưng bị cáo không quyết tâm để từ bỏ con đường nghiện ma túy mà còn tiếp tục tàng trữ chất ma túy để sử dụng trái phép, thể hiện sự coi thường pháp luật. Mặt khác, hành vi phạm tội của bị cáo còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm, vi phạm khác và góp phần làm lây lan căn bệnh nguy hiểm HIV/AIDS thông qua con đường tiêm chích ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội và sự bất bình trong dư luận nhân dân tại địa phương. Bản thân bị cáo vào năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào xử phạt 18 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Vì vậy, xét thấy cần xử bị cáo một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và còn đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo có anh trai là Lương Văn H được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Mặt khác

căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13, ngày 29/06/2016; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, và Danh mục một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 kèm theo, thì Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo vì khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm trong khi đó khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 5 năm đến 10 năm.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Khi bắt giữ bị cáo Lương Văn T Cơ quan điều tra có thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ có số IMEI 355127072460407, bên trong có một sim điện thoại Viettel và 01 ví giả da màu đen đã cũ, bên trong có 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Văn T do không liên quan đến việc phạm tội nên sẽ trả lại cho bị cáo.

Đối với số ma túy do cơ quan giám định hoàn lại trong niêm phong sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

*** Tội danh và hình phạt:**

Tuyên bố: Lương Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 144/2016/QH13, ngày 29/06/2016; điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lương Văn T 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2017.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ có số IMEI 355127072460407, bên trong có một sim điện thoại Viettel và 01 ví giả da màu đen đã cũ, 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Văn T.

- Tịch thu toàn bộ số ma túy do cơ quan giám định hoàn lại trong niêm phong số 61/PC54 cho tiêu hủy.

(Chi tiết về số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-KSĐT - P1 ngày 22/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

*** Án phí:** Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoan